TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PÁC NẶM** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2018/HS - ST
Ngày 22/11/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PÁC NẶM, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hà Thanh Tuấn**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lường Văn Xiên**

Ông **Phạm Anh Tuấn**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Bào Kim Vân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông **Cà Ngọc Tân** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 và ngày 22 tháng 11 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2018/TLST-HS, ngày 25 tháng 10 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2018/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo:

Hoàng Thị G - Tên gọi khác: **Hoàng Mùi G**

Sinh ngày 15 tháng 9 năm 1975 tại huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn N, xã A, huyện P, tỉnh Bắc Kạn.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Dao; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch Việt Nam; con ông Hoàng Thông O (Tên gọi khác Hoàng Văn C) và bà Bàn Thị N; chồng Đặng Văn S: Có 02 con. Con lớn sinh năm 1994, con nhỏ sinh năm 1995.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/8/2018 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- **Người bào chữa cho bị cáo**: Bà Nguyễn Phương B - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn. Có mặt

- Nguyên đơn dân sự: Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bắc Kạn

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vi Duy T - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P. Vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền: Ông La Đức D - Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện P. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Đặng Văn S, sinh năm 1975 - Trú tại: Thôn N, xã A, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

Anh Đặng Tòn X, sinh năm 1994 - Trú tại: Thôn N, xã A, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

Anh Đặng Văn L, sinh năm 1995 - Trú tại: Thôn N, xã A, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

Chị Hoàng Mùi N, sinh năm 1998 - Trú tại: Thôn N, xã A, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

Chị Hoàng Mùi Y, sinh năm 1994 - Trú tại: Thôn N, xã A, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

- Người phiên dịch cho bị cáo: Anh Lý Học C - Địa chỉ: Thôn Đ, xã B , huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 10 tháng 5 năm 2018 Công an huyện P nhận được công văn chuyển tin báo số 62/CTB-KL ngày 09 tháng 5 năm 2018 của Hạt Kiểm lâm huyện P với nội dung có nhiều hộ dân phát phá rừng trái phép tại xã A, huyện P, tỉnh Bắc Kạn.

Trên kết quả điều tra xác định được như sau:

Tại Lô 6, Khoảnh 3, Tiểu khu 31 bản đồ quy hoạch ba loại rừng thuộc thửa đất 126, tờ bản đồ số 02 bản đồ giao đất đất lâm nghiệp thuộc thôn N , xã A, huyện P, Hoàng Thị G Trú tại: Thôn N, xã A, huyện P, tỉnh Bắc Kạn đã có hành vi hủy hoại rừng với diện tích là 5.890 m^2 (Năm nghìn tám trăm chín mươi mét vuông) rừng sản xuất có trạng thái là rừng tự nhiên phục hồi, gây thiệt hại 83 cây gỗ từ nhóm V đến nhóm VIII với khối lượng gỗ 13,585 m^3 (Mười ba phẩy năm trăm tám mươi năm mét khối).

Tại cơ quan điều tra Hoàng Thị G khai nhận.

Bị cáo Hoàng Thị G sinh năm 1975 và ông Đặng Văn S sinh năm 1975 (chồng bị can G) đều trú tại thôn N, xã A, huyện P, tỉnh Bắc Kạn có một thửa đất rừng do ông cha để lại, là rừng sản xuất, có trạng thái rừng tự nhiên phục hồi tại

Lô 6, Khoảnh 3, Tiểu khu 31 bản đồ quy hoạch ba loại rừng thuộc thửa đất 126, Tờ bản đồ số 02 bản đồ giao đất đất lâm nghiệp có diện tích 5.890m^2, thuộc thôn N, xã A, huyện P, lô đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do có mục đích phát rừng để trồng cây ngô và cây keo, nên khoảng đầu tháng 4/2018 (không nhớ ngày cụ thể) bị cáo không xin phép cơ quan chức năng có thẩm quyền, không bàn bạc với ai trong gia đình và không bị ai tác động mà tự ý đi phát bụi cây, dây leo và các cây nhỏ tại khu đất rừng của nhà mình được 05 ngày, do thấy diện tích rừng còn nhiều, một mình làm không xuể, nên bị cáo mới nhờ chồng là Đặng Văn S và các con trai và con dâu gồm Đặng Văn L; Đặng Tòn X; Hoàng Mùi Y; Hoàng Mùi N đều trú tại thôn N, xã A, huyện P đi giúp phát mỗi người giúp một buổi đối với cây bụi, cây dây leo, cây nhỏ và để lại cây to. Số cây to còn lại sau đó G một mình dùng cưa (loại cưa tay) cắt hạ hết chờ khô rồi đốt vệ sinh rừng).

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 15/5/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P xác định: Hiện trường vụ huỷ hoại rừng tại Lô 6, Khoảnh 3, Tiểu khu 31 bản đồ quy hoạch ba loại rừng thuộc thửa đất 126, Tờ bản đồ số 02 bản đồ giao đất đất lâm nghiệp thuộc thôn N, xã A, huyện P là rừng sản xuất có trạng thái rừng tự nhiên phục hồi, theo Bản đồ quy hoạch ba loại rừng được Uỷ ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn phê duyệt tại quyết định số 757/2007/QĐ-UBND ngày 21/5/2007. Vị trí thửa đất phía Đông giáp với thửa đất số 93 của ông Sào Văn H và thửa đất số 99 của ông Triệu Minh C thuộc khu vực rừng B; Phía Tây giáp thửa đất số 121 của ông Triệu Chiều P thuộc khu vực rừng N cách đường liên thôn 15m; Phía Nam và Phía Bắc đều giáp thửa đất số 126 do Uỷ ban nhân dân xã A quản lý. Trên bề mặt diện tích rừng bị chặt hạ phát hiện nhiều cây thân gỗ với nhiều nhóm gỗ khác nhau đã bị cắt đổ ngổn ngang về nhiều hướng, các vết cắt này đều sắc gọn có để lại phần gốc nhô lên trên mặt đất có nhiều kích cỡ khác nhau; Tiến hành đo diện tích rừng bị hủy hoại, sử dụng máy đo vệ tinh GPS78 CSX, hệ toạ độ Vn – 2000, máy đo do Hạt kiểm lâm huyện P cung cấp xác định diện tích rừng bị chặt hạ là 5.890m^2 (Năm nghìn tám trăm chín mươi mét vuông); Số cây bị chặt hạ có chu vi (vòng dây) nhỏ nhất từ 24 cm trở lên là 83 cây = 13,585 m^3 (Mười ba phẩy năm trăm tám mươi năm mét khối gỗ).

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 03/KL-HĐĐGTSVV ngày 14/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện kết luận: 13,585 m^3 (Mười ba phẩy năm trăm tám mươi năm) mét khối gỗ từ nhóm V đến nhóm VIII có tổng giá trị là: 10.358.563 đồng (Mười triệu, ba trăm năm mươi tám nghìn, năm trăm sáu mươi ba đồng).

Tại bản cáo trạng số 14/CT-VKSPN ngày 24/10/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm để xét xử Hoàng Thị G về hành vi "Hủy hoại rừng" theo điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và nội dung bản cáo trạng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm giữ nguyên quan điểm truy tố như bản cáo trạng. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn dân sự có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Hoàng Thị G phạm tội "Hủy hoại rừng".

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243 BLHS 2015; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo vì bị cáo thuộc hộ cận nghèo, bị cáo có đơn xin miễn án phí do vậy đề nghị miễn án phí cho bị cáo.

Tại phiên toà người bào chữa cho bị cáo nhận thấy việc xét xử bị cáo Hoàng Thị G về tội "Hủy hoại rừng" là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo đã tự nguyện nộp tiền tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P nhằm khắc phục hậu quả, bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng đặc biệt khó khăn, bị cáo không được đi học, không biết tiếng phổ thông, nhận thức về pháp luật rất hạn chế, lạc hậu dẫn đến phạm tội, bị cáo có bố chồng là ông Đặng Phụ Q được Bộ tư lệnh Quân khu 1 chứng nhận tham gia dân công hỏa tuyến, nên bị cáo được hưởng các tỉnh tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, m, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 để xem xét cho bị cáo được hưởng 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án và căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1].Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng Điều tra viên, Kiểm sát viên. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra,

lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có cơ sở kết luận:

Đầu tháng 4/2018 bị cáo không xin phép cơ quan chức năng có thẩm quyền, không bàn bạc với ai trong gia đình và không bị ai tác động mà tự ý đi phát bụi cây, dây leo và các cây nhỏ tại khu đất rừng của gia đình là rừng sản xuất, có trạng thái rừng tự nhiên phục hồi tại Lô 6, Khoảnh 3, Tiểu khu 31 bản đồ quy hoạch ba loại rừng thuộc thửa đất 126, Tờ bản đồ số 02 bản đồ giao đất lâm nghiệp có diện tích 5.890m^2, thuộc thôn N, xã A, huyện P được 05 ngày, do thấy diện tích rừng còn nhiều, một mình làm không xuể, nên bị cáo nhờ chồng là Đặng Văn S và các con trai và con dâu gồm Đặng Văn L, Đặng Tòn X, Hoàng Mùi Y, Hoàng Mùi N đi giúp phát mỗi người một buổi đối với cây bụi, dây leo. Số cây to bị cáo một mình dùng cưa (loại cưa tay) cắt hạ hết để chờ khô rồi đốt vệ sinh rừng.

Hậu quả diện tích rừng bị chặt hạ là 5.890m^2 (Năm nghìn tám trăm chín mươi mét vuông); Số cây bị chặt hạ là 83 cây = 13,585 m^3 (Mười ba phẩy năm trăm tám mươi năm mét khối) gỗ từ nhóm V đến nhóm VIII có tổng giá trị là 10.358.563đ (Mười triệu, ba trăm năm mươi tám nghìn, năm trăm sáu mươi ba đồng). Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Hủy hoại rừng" với tình tiết định khung là hủy hoại rừng sản xuất có diện tích từ 5.000m^2 đến dưới 10.000m^2

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về khai thác bà bảo bệ rừng, xâm hại đến sự ổn định và bền vững của môi trường sinh thái. Khi thực hiện hành vi bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm "Hủy hoại rừng" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Điều luật có nội dung:

1. Người nào đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

……

b) Rừng sản xuất có diện tích từ 5.000 mét vuông (m2) đến dưới 10.000 mét vuông (m2);

……

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

[3].Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Bị cáo không có tiền án, tiền sự, pham tội lần đầu. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo tự nguyện khắc phục hậu quả, bị cáo có bố chồng là người có công với cách mạng, nguyên đơn dân sự xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo, các quy định của pháp luật. HĐXX xét thấy, không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà vẫn đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, đảm bảo tính giáo dục cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Căn cứ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả điều tra, xác minh cho thấy gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo năm 2018 theo giấy chứng nhận hộ nghèo, cận nghèo số 192/GCN-HN,HCN ngày 16/02/2018 của UBND xã A, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Do đó không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo là phù hợp.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn dân sự vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt và yêu cầu bị cáo phải bồi thường, khắc phục hậu quả với số tiền 2.000.000^{đ}, bị cáo nhất trí bồi thường, khắc phục hậu quả số tiền theo yêu cầu, tại phiên tòa bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận về việc bồi thường. Xét thấy việc thỏa thuận không trái pháp luật và hoàn toàn do hai bên tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị cáo Hoàng Thị G đã tự nguyện nộp một khoản tiền là 2.000.000^{đ} (Hai triệu đồng) vào Chi cục thi hành án dân sự huyện P nhằm khắc phục một phần thiệt hại. Căn cứ vào sự thỏa thuận của bị cáo với người đại diện của nguyên đơn dân sự. Xét thấy cần tạm giữ số tiền này để đảm bảo thi hành án.

[5]. Về vật chứng của vụ án:

Vật chứng của vụ án gồm:

- 83 cây gỗ = 13,585m^3 (Mười ba phẩy năm trăm tám mươi năm mét khối) gỗ. Ngày 01/10/2018 Cơ quan điều tra Công an huyện Pác Nặm đã ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức tịch thu bán đấu giá sung công quỹ Nhà nước.

- 01 **(**Một) con dao (loại dao quắm), thân dao có chiều dài 34cm, bản dao rộng 05cm, cán dao dài 23cm đã qua sử dụng không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 **(**Một) chiếc cưa (loại cưa tay), có chiều dài lưỡi cưa là 52cm, bản rộng 06cm, cán bằng gỗ dài 18cm đã qua sử dụng không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[6]. Đánh giá về quan điểm truy tố, đề nghị của Viện kiểm sát: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn tại phiên tòa giữ nguyên Quyết định truy tố như nội dung bản Cáo trạng, quan điểm truy tố của Viện kiểm sát là có căn cứ. Mức hình phạt của Viện kiểm sát đề nghị tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

Đánh giá việc người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng các tỉnh tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, m, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Hội đồng xét xử nhận định bị cáo không được đi học, không biết chữ, không biết nghe, nói tiếng phổ thông dẫn đến việc bị cáo không nắm được thông tin hàng ngày cũng như các quy định của pháp luật, tại phiên tòa Hội đồng xét xử phải cử người phiên dịch cho bị cáo; bị cáo được nguyên đơn dân sự xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo có bố chồng là ông Đặng Phụ Q được Bộ tư lệnh Quân khu 1 chứng nhận tham gia dân công hỏa tuyến trong kháng chiến bảo vệ tổ quốc, do vậy đề nghị của người bào chữa là có căn cứ cần chấp nhận.

[7] Xem xét, đánh giá hành vi của những người liên quan.

Đối với Đặng Văn Sú; Đặng Tòn X; Đặng Văn L; Hoàng Mùi N; Hoàng Mùi Y là những người được bị cáo nhờ phát giúp phần cây bụi và dây leo, bản thân S, X, L, N và Y không được phát phá cây gỗ to nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý trách nhiệm hình sự là có cơ sở.

[8] Về án phí: Bị cáo thuộc hộ cận nghèo năm 2018 theo giấy chứng nhận hộ nghèo, cận nghèo số 192/GCN-HN.HCN ngày 16/02/2018 của UBND xã An Thắng, huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn và bị cáo có đơn xin Hội đồng xét xử miễn án phí. Do vậy cần miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Tuyên bố bị cáo Hoàng Thị G - tên gọi khác Hoàng Mùi G phạm tội "Hủy hoại rừng"

[2]. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243, điểm b, m, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015.

[3]. Xử phạt bị cáo Hoàng Thị G 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (Hai mươi tư) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 22 tháng 11 năm 2018.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện P, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được cho hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và người đại diện của người bị hại:

Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Hoàng Thị G phải bồi thường cho nguyên đơn dân sự là Uỷ ban nhân dân huyện P, tỉnh Bắc Kạn với số tiền thỏa thuận là 2.000.000^{đ} (Hai triệu đồng), được trừ vào số tiền 1.000.000^{đ} (Một triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 00863, ngày 12/11/2018 và trừ vào số tiền 1.000.000^{đ} (Một triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 00868 ngày 19/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P , tỉnh Bắc Kạn.

Tạm giữ số tiền 1.000.000^{đ} (Một triệu đồng) bị cáo đã nộp theo biên lai thu tiền số 00863, ngày 12/11/2018 và số tiền 1.000.000^{đ} (Một triệu đồng) bị cáo đã nộp theo biên lai thu tiền số 00868 ngày 19/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bắc Kạn để đảm bảo thi hành án.

Việc thi hành án được thực hiện theo Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015

"Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015"

[5]. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu tiêu hủy các vật chứng gồm:

- 01 **(**Một) con dao (loại dao quắm), thân dao có chiều dài 34cm, bản dao rộng 05cm, cán dao dài 23cm đã qua sử dụng.

- 01 **(**Một) chiếc cưa (loại cưa tay), có chiều dài lưỡi cưa là 52cm, bản rộng 06cm, cán bằng gỗ dài 18cm đã qua sử dụng.

(Số lượng, tình trạng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 30/10/2018 giữa Cơ quan điều tra Công an huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn và Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bắc Kạn).

[6]. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

[7]. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn dân sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Pác Nặm. (01b)
- TAND tỉnh Bắc Kạn. (01b)
- VKSND tỉnh Bắc Kạn.(01b)
- Bộ phận hồ sơ CA huyện Pác Nặm. (03b)
- Chi cục THADS huyện Pác Nặm. (01b)
- Sở Tư pháp. (01b)
- Bị cáo. (01b)
- Nguyên đơn dân sự. (01b)
- Người đại diện của nguyên đơn dân sự (01b)
- Người bào chữa. (01b)
- Người có QL,NVLQ. (05b)
- Lưu hs;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thanh Tuấn